

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/DS-ST

Ngày: 24/9/2019

V/v “*Tranh chấp hui*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Long;

2. Bà Phạm Thị Em.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đoàn Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Ngô Thị H, sinh năm: 1960; (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* 1. Chị Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm: 1972;

2. Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm: 1971; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị G yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:

Vào năm 2017 – 2018, bà Ngô Thị H có làm chủ 04 dây hui chị G tham gia 04 phần trong 04 dây hui này. Cụ thể như sau:

- Dây thứ 1: Hui 5.000.000 đồng khui ngày 01/6/2017, dây hui này có 16 hui viên, chị G vô 01 phần, hui khui mỗi tháng 01 lần, kỳ khui đầu tiên chị G hốt, sau đó chị G có đóng hui chết lại cho bà đến ngày 07/6/2018 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy trong dây hui này chị G còn thiếu của bà 03 tháng hui chết số tiền là 15.000.000 đồng. Dây hui này đến ngày 01/9/2018 là mãng.

- Dây thứ 2: Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 20/7/2017, dây hụi này có 17 hụi viên, chị G vô 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, kỳ khui đầu tiên chị G hốt, sau đó chị G có đóng hụi chết lại cho bà đến ngày 20/6/2018 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy trong dây hụi này chị G còn thiếu của bà H 06 tháng hụi chết số tiền là 30.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 20/11/2018 là mãng.

- Dây thứ 3: Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10/11/2017, dây hụi này có 17 hụi viên, chị G vô 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, kỳ khui đầu tiên chị G hốt, sau đó chị G có đóng hụi chết lại cho bà đến tháng 6/2018 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy trong dây hụi này chị G còn thiếu của bà 09 tháng hụi chết số tiền là 45.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 10/3/2019 là mãng.

- Dây thứ 4: Hụi 5.000.000 đồng khui ngày 10/11/2017, dây hụi này có 17 hụi viên, chị G vô 01 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần, kỳ khui thứ 3 chị G hốt, sau đó chị G có đóng hụi chết lại cho bà đến tháng 6/2018 thì ngưng không đóng nữa. Như vậy chị G còn thiếu của bà 09 tháng hụi chết số tiền là 45.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 10/3/2019 là mãng.

Tổng cộng số tiền hụi chị G còn nợ của bà 04 dây hụi là 135.000.000 đồng. Sau đó chị G đã trả cho bà H số tiền là 3.260.000 đồng nên còn nợ lại 131.740.000 đồng. Các dây hụi này chị G hốt hụi về để chi tiêu trong gia đình và mua vật liệu xây dựng cất nhà chung của hai vợ chồng chị G hiện nay đang ở.

Ngày 12/12/2018, TAND huyện C có mời hai bên đến hòa giải, chị G yêu cầu bà H cho chị G thời gian 04 tháng chị G sẽ trả hết số tiền hụi này nên bà H rút yêu cầu khởi kiện. Nhưng hết thời gian 04 tháng, chị G không trả cho bà số tiền nợ nào. Nay bà yêu cầu chị G và anh D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền hụi là 131.740.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc G trình bày:*

Chị G xác nhận những lời trình bày trên của bà H là đúng. Chị thừa nhận hiện nay có nợ của bà H số tiền hụi là 131.740.000 đồng. Chị đồng ý trả cho bà H số tiền hụi nêu trên. Bà H không yêu cầu trả tiền lãi, chị đồng ý.

Chị G yêu cầu bà H cho trả dần số nợ trên một tháng một triệu đồng cho đến khi trả hết nợ.

Đối với trách nhiệm liên đới của anh D cùng với chị G trả nợ cho bà H chị đồng ý vì số tiền hụi này dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và dùng để mua vật liệu xây dựng căn nhà hiện nay vợ chồng chị đang ở tại địa chỉ 374/2, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Việc chi tiêu trong gia đình là do chị tự lo, tự xoay sở, anh D không phụ tiền và cũng không lo. Vợ chồng chị không có làm ăn hay đầu tư riêng. Tiệm uốn tóc là của chị, do nghề nghiệp của chị là thợ uốn tóc nhưng thu nhập của tiệm uốn tóc cũng dùng để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Từ khi cưới nhau đến năm 2018 vợ chồng chị sống chung, sinh hoạt bình thường, chỉ bắt đầu ly thân khi xảy ra việc nợ nần từ đầu tháng 6/2018 đến nay. Thời điểm chị hốt hụi của bà H đến trước thời điểm này anh D, chị G vẫn sinh hoạt vợ chồng bình thường không có ly thân. Anh D không

hề biết việc hui hề này. Anh D cũng cùng ăn uống, sinh hoạt chung với gia đình.

Anh D có biết Tòa án mời đến hòa giải hay không chị không biết nhưng anh có biết bà H kiện vợ chồng chị về nợ hui này.

Do chị mới xin việc nên không thể xin nghỉ để dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được nên yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt chị. Chị không có ý kiến hay khiếu nại gì về sau.

Anh D, chồng chị G đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà không đồng ý cho chị G, anh D trả dần. Số tiền nợ quá lớn chị G trả dần như vậy thời gian rất lâu mới trả xong. Bà H yêu cầu việc thỏa thuận cách trả nợ thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Tuấn D vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay không có lý do chưa chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định 19/2019/ NĐ-CP ngày 19/02/2019; Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị Trúc G và anh Nguyễn Tuấn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 131.740.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 06/5/2019, bà Ngô Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu giải quyết buộc chị G và anh D có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền hui là 131.740.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà H, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hui” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 24 Nghị định

144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc G có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt lý do bận công việc không thể tham dự phiên hòa giải và phiên tòa được. Anh Nguyễn Tuấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh D là phù hợp với quy định tại điểm Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu chị G, anh D trả cho bà H số tiền 131.740.000 đồng:*

Theo bà H, năm 2017 - 2018, bà có làm chủ 04 dây hội chị G tham gia 04 phần trong 04 dây hội này. Cụ thể dây hội ngày 01/6/2017, chị G vô 01 phần, kỳ khai đầu tiên chị G hốt, chị G đóng hội chết lại cho bà H đến ngày 07/6/2018 thì không đóng nữa. Chị G còn thiếu của bà 03 tháng hội chết số tiền là 15.000.000 đồng.

Dây ngày 20/7/2017, chị G vô 01 phần, hội khai mỗi tháng 01 lần, kỳ khai đầu tiên chị G hốt, chị G đóng hội chết lại cho bà đến ngày 20/6/2018 thì không đóng nữa. Chị G còn thiếu của bà H 06 tháng hội chết số tiền là 30.000.000 đồng.

Dây ngày 10/11/2017, chị G vô 01 phần, kỳ khai đầu tiên chị G hốt, sau đó chị G có đóng hội chết lại cho bà đến tháng 6/2018 thì không đóng nữa. Chị G còn thiếu của bà 09 tháng hội chết số tiền là 45.000.000 đồng.

Dây ngày 10/11/2017, chị G vô 01 phần, kỳ khai thứ 3 chị G hốt, chị G đóng hội chết lại cho bà đến tháng 6/2018 thì không đóng nữa. Chị G còn thiếu của bà 09 tháng hội chết số tiền là 45.000.000 đồng. Tất cả các dây hội nêu trên đã mặng.

Tổng cộng số tiền hội chị G còn nợ của bà H 04 dây hội là 135.000.000 đồng. Sau đó chị G đã trả cho bà H số tiền là 3.260.000 đồng nên còn nợ lại 131.740.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà H cung cấp chứng cứ là “Tờ cam kết về nợ hội” ngày 12/12/2018. Ngoài ra bà H yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là biên bản hòa giải ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà H, chị G thừa nhận chị có nợ của bà H số tiền hội là 131.740.000 đồng. Chị đồng ý trả cho bà H số tiền hội nêu trên. Lời thừa nhận của chị G là chứng cứ bà H không cần phải chứng minh. Cần buộc chị G có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền nợ hội là 131.740.000 đồng. Yêu cầu của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường nên được chấp nhận.

Bà H không yêu cầu chị G, anh D trả lại cho bà số tiền vốn nêu trên mà không yêu cầu tính lãi nên được ghi nhận.

Bà H yêu cầu anh D, là chồng của chị G, có trách nhiệm liên đới cùng với chị G trả cho bà số tiền nợ hội nêu trên. Đối với yêu cầu của bà H chị G đồng ý. Chị G xác định số tiền hội này chị hốt hội về dùng để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và dùng để

mua vật liệu xây dựng căn nhà hiện nay vợ chồng chị đang ở tại địa chỉ 374/2, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Việc chi tiêu trong gia đình là do chị tự lo, tự xoay sở, anh D không phụ tiền và cũng không lo. Vợ chồng chị không có làm ăn hay đầu tư riêng. Anh D cũng cùng ăn uống, sinh hoạt chung với gia đình. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được ý kiến của anh D về yêu cầu này của bà H. Hội đồng xét xử chỉ có thể xem xét những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo lời trình bày trên đây của chị G có căn cứ xác định số tiền hui của bà H chị G dùng vào việc lo chi phí sinh hoạt chung của gia đình. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh D, chị G vẫn là vợ chồng nên cần buộc anh D phải có trách nhiệm liên đới cùng với chị G trả cho bà H số tiền nợ trên đây là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Chị G và anh D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.587.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 24 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biếu, phượng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Trúc G và anh Nguyễn Tuấn D có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị H số tiền nợ hui là 131.740.000đ (Một trăm ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

Ghi nhận bà Ngô Thị H không yêu cầu tính lãi trên số tiền nêu trên.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc G và anh Nguyễn Tuấn D phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.587.000đ (Sáu triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Ngô Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.294.000đ (Ba triệu hai trăm chín mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0004556 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Trúc G và anh Nguyễn Tuấn D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trung